

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học **2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	779	236	171	204	168
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	88.06	86.02	91.81	87.75	87.5
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	10.27	11.02	8.19	11.27	10.12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.67	2.96	00	0.98	2.38
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	779	236	171	204	168
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32.48	31.78	33.92	29.90	35.12
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39.67	33.90	48.54	41.67	36.31
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	26.70	32.63	17.54	25.98	28.57
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.03	1.27	00	2.45	00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.13	0.42	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	779	236	171	204	168
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.84	98.31	100%	97.55	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32.48	31.78	33.92	29.90	35.12
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	39.41	33.05	48.54	41.67	36.31
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.03	1.27	00	2.45	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.13	0.42	00	00	00

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	24 2.98	8 3.27	3 1.72	5 2.39	8 4.55
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	00	00
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	38	10	7	16	5
2	Cấp tỉnh/thành phố	6				6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	168				168
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	168				168
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	35.1				35.1
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36.3				36.3
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	28.6				28.6
VII	Số học sinh thi đỗ tuyển sinh lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)	93.51				93.51
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	403/376	124/112	86/85	102/102	91/77
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	26	08	08	08	02

Quận, ngày 03 tháng 9 năm 2019
Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Châu